

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 11/01/2023.
V/v: “*Tranh chấp nợ hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tân Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em.
2. Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Hưng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham dự phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 202/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 112, tổ 3, khu phố 1, phường V T, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bi đơn: Ông Lê Văn Pg, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 357, tổ 6, khu phố 1, phường V T, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 357, tổ 6, khu phố 1, phường V T, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự đề ngày 19/4/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/11/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Vợ chồng ông Lê Văn Pg, bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi hui do bà Ph làm chủ hui, giá trị hui là 2.000.000 đồng, áp ngày 06/8/2017 âm lịch, có 49 phần,

vợ chồng ông Pg, bà T tham gia chơi 01 phần, do ông Pg đại diện đứng tên trong sổ hụi. Tại kỳ mở hụi ngày 06/9/2017 Al ông Pg đã hốt hụi được số tiền 98.000.000 đồng, sau đó bà T là người trực tiếp đóng lại tiền hụi chết cho bà được số tiền là 26.200.000 đồng, hiện còn nợ số tiền là 71.800.000đ (Bảy mươi một triệu tám trăm ngàn đồng). Nhiều lần bà Ph yêu cầu nhưng vợ chồng ông Pg, bà Tiên chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

- *Tại phiên tòa bà Ph yêu cầu:* Yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn Pg và bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 71.800.000đ (Bảy mươi một triệu tám trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi và cũng không có yêu cầu gì khác.

* *Ông Lê Văn Pg trình bày:* Ông Pg thừa nhận, có tham gia chơi hụi do bà Ph làm chủ hụi; giá trị hụi là 2.000.000 đồng, áp ngày 06/8/2017 âm lịch, có 49 phần, ông Pg tham gia chơi 01 phần. Tại kỳ mở hụi ngày 06/9/2017 Al ông Pg đã hốt hụi được số tiền 98.000.000 đồng. Sau đó, ông có đưa tiền cho vợ là bà T đóng hụi chết cho bà Ph được số tiền là 26.200.000 đồng, hiện còn nợ số tiền là 71.800.000 đồng theo như nội dung trình bày của bà Ph là đúng.

Ông Pg xác nhận rằng, vợ chồng ông Pg, bà T ai cũng có tham gia chơi hụi của bà Ph. Tuy nhiên, phần của ông Pg thì tự ông chịu trách nhiệm, phần của bà T thì tự bà chịu trách nhiệm. Số tiền hụi hốt có được ông Pg đầu tư thu mua phế liệu, mục đích nhằm phát triển kinh tế gia đình, lo cho con cái, nhưng do tình hình dịch bệnh, làm ăn thất bại nên thời gian qua chưa trả được nợ hụi cho bà Ph.

- *Tại phiên tòa ông Pg yêu cầu:* Ông Pg yêu cầu cá nhân tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Ph số tiền nợ hụi là 71.800.000 đồng mà không yêu cầu vợ ông là bà T cùng liên đới trả nợ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà T và ông Pg là vợ chồng hợp pháp. Bà T xác nhận việc ông Pg tham gia chơi hụi của bà Ph thì bà có biết. Tuy nhiên, mặc dù là vợ chồng nhưng bà T và ông Pg sài tiền riêng nên ông Pg hốt hụi được số tiền bao nhiêu và sử dụng vào việc gì thì bà không biết. Sau khi hốt hụi xong thì ông Pg có đưa tiền cho bà để đóng lại hụi chết cho bà Ph số tiền là 26.200.000 đồng. Bà T cho rằng, bản thân bà cũng tham gia chơi hụi do bà Ph làm chủ hụi và đang đóng hụi hàng tháng cho bà Ph. Vì vậy, số tiền của ông Pg nợ bà Ph thì cá nhân ông Pg chịu trách nhiệm, bà không đồng ý liên đới cùng ông Pg trả nợ.

* *Ý kiến của bà Ph yêu cầu:* Bà Ph yêu cầu vợ chồng ông Pg, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Bà không đồng ý cho ông Pg mỗi tháng trả dần 1.000.000

đồng. Nếu ông Pg, bà T có thiện chí thì yêu cầu mỗi tháng trả 2.500.000 đồng, để bà còn thanh toán lại cho các chủ nợ khác.

** Ý kiến của ông Pg:* Ông Pg chỉ có khả năng trả mỗi tháng là 01 triệu đồng mà không có khả năng trả mỗi tháng 2,5 triệu theo yêu cầu của bà Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 thì nguyên đơn bà Ph khởi kiện yêu cầu ông Pg có nghĩa vụ trả nợ. Ngày 10/11/2022 bà Ph khởi kiện bổ sung, cũng như tại phiên tòa bà Ph yêu cầu vợ chồng ông Pg, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui là 71.800.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới của ông Pg, bà T đối với yêu cầu của bà Ph theo quy định tại Điều 288 và Điều 351 của Bộ luật dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Ph yêu cầu bị đơn ông Lê Văn Pg, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui là 71.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp giữa các bên được xác định là: “*Tranh chấp nợ hui*”. Ông Pg, bà T có địa chỉ cư trú tại số 357, tổ 6, khu phố 1, phường V T, TP. R G. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn bà Ph yêu cầu ông Pg, bà T phải trả số tiền nợ hui 71.800.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, việc ông Pg tham gia chơi hui do bà Ph làm chủ hui theo sổ hui mà bà Ph cung cấp cho Tòa án là có thật; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Pg đều thừa nhận việc tham gia chơi hui của bà Ph và hiện còn nợ số tiền 71.800.000 đồng; hai bên chỉ không thống nhất được với nhau về thời gian và phương thức thanh toán; ông Pg xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng bà Ph không đồng ý. Xét giao dịch về tổ chức hui và tham gia chơi hui giữa bà Ph và ông Pg là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, giao dịch mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, quy định về Hò, hui, biêu, phường (được thay thế bằng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ). Trong phần nghị án, Hội đồng

xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện của ông Pg về nghĩa vụ trả nợ hụi cho bà Ph. Do bà Ph không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[4] *Xét về trách nhiệm trả nợ của bà Nguyễn Thị T.* Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Pg, bà T đều xác nhận việc ông Pg tham gia chơi hụi của bà Ph thì bà T đều biết, sau khi hốt hụi bà T có trực tiếp đóng hụi chết cho bà Ph số tiền 26.200.000 đồng. Ngoài ra, bà T cũng tham gia chơi các phần hụi khác do bà Ph làm chủ hụi. Mục đích mà ông Pg tham gia chơi hụi và số tiền hốt hụi có được ông Pg dùng để đầu tư thu mua phế liệu, nhằm tăng thu nhập cho gia đình, đảm bảo nhu cầu chi tiêu, sinh hoạt chung trong gia đình và nuôi dạy con cái. Căn cứ vào Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới cùng ông Pg trả cho bà Ph số tiền nợ hụi là 71.800.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

Đối với đề nghị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ của ông Pg không được bà Ph đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Về điều kiện và khả năng thanh toán của ông Pg, bà T sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Ông Pg, bà T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Ph là 71.800.000 đồng, được tính như sau: $71.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.590.000 \text{ đồng}$. Như vậy, ông Pg, bà T phải nộp án phí số tiền là 3.590.000 đồng.

+ Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.795.000đ (Một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000139 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 147, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 288, Điều 351, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, quy định về Hộ, hụi, biếu, phường (được thay thế bằng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ);

Áp dụng Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph đối với bị đơn ông Lê Văn Pg, bà Nguyễn Thị T, về việc “Tranh chấp nợ hui”.

2. Buộc ông Lê Văn Pg, bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền nợ hui là 71.800.000.000đ (Bảy mươi một triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Pg, bà T phải nộp án phí số tiền là 3.590.000đ (Ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) (71.800.000 đồng x 5%).

+ Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.795.000đ (Một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000139 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tấn Nghĩa